

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 29/ 4 / 2020
“V/v ly hôn, nuôi con và
chia tài sản chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Sỹ

Các Thẩm phán: Ông Võ Bá Lưu và bà Từ Thị Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Thuý

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình: Bà Đặng Thị Kim Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 29/4/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2020/TLPT- HNGĐ ngày 03/01/2020 về việc ly hôn do bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2019/HNGĐ - ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 270/2020/QĐ-PT ngày 24/02/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đinh Quang L; địa chỉ: thôn Đ, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Đinh Thị L; địa chỉ: thôn Đ, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Cao Thị T; địa chỉ: thôn Đ, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt, có giấy ủy quyền cho ông Đinh Quang L.

+ Ngân hàng chính sách xã hội huyện M, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Hải D- Phó Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội huyện M. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Về tình cảm: Ông L và bà L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996. Sau một thời gian dài chung sống hạnh phúc thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Năm

2016 bà L bỏ nhà đi, từ đó ông L, bà L sống ly thân cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nên ông L làm đơn xin được ly hôn bà L. Bà L cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn nên cũng đồng ý ly hôn ông L.

- Về con chung: Ông L và bà L có hai người con chung là anh Đinh Hữu C, sinh ngày 12/6/1997 và anh Đinh Anh Q, sinh ngày 25/9/2002. Hiện tại anh C đã lấy vợ, ở riêng nên cha mẹ sẽ có trách nhiệm chung; đối với anh Q muốn ở với ai thì ông L, bà L đều chấp nhận ý kiến của con.

Tại bản tự khai ngày 11/10/2019 (Bút lục số 35), anh Đinh Anh Q trình bày nguyện vọng xin được ở với mẹ.

- Về tài sản chung:

Ông L trình bày: Hiện tại hai vợ chồng có một ngôi nhà gỗ 3 gian lợp ngói trên mảnh đất khoảng 500 m². Về ngôi nhà có nguồn gốc từ ngôi nhà cũ trước đây của mẹ (bà T) ở chung với hai vợ chồng, còn đất là do cậu T1 cho để ở, nếu không ở thì trả lại cho cậu. Về nợ chung: hiện hai vợ chồng còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện M số tiền gốc là 53.000.000 đồng và lãi khoảng hơn 9.000.000 đồng. Ông L đề nghị nếu vợ chồng ly hôn thì trả lại nhà cho mẹ và trả lại đất cho cậu T1; còn nợ thì chia đôi mỗi người trả một nửa.

Bà Đinh Thị L trình bày: Tài sản chung của vợ chồng có 01 ngôi nhà gỗ, lợp ngói 3 gian trên mảnh đất khoảng 500 m². Tuy nhiên, ngôi nhà này là do ông L, bà L làm từ việc bán ngôi nhà cũ và nhận thêm tiền hỗ trợ của UBND xã H chứ không phải có nguồn gốc của mẹ ông L; diện tích đất 500 m² là của hai vợ chồng chứ không phải của cậu ông L cho. Do đó, tài sản chỉ chia đôi cho hai vợ chồng mà không chia cho bà T (mẹ anh L). Bà L đề nghị Tòa án giao toàn bộ ngôi nhà và đất cho ông L sinh sống để chăm sóc mẹ chồng và ông L có trách nhiệm trả hết nợ vay của ngân hàng Chính sách huyện M.

Quá trình hoà giải ông L và bà L thống nhất giá trị ngôi nhà và đất là 60.000.000 đồng.

Bà Cao Thị T trình bày: Bà T đang sống chung với ông L và bà L. Ngôi nhà mà cả gia đình đang ở được làm nên từ tiền bán nhà cũ của bà và có sự hỗ trợ của UBND xã H chứ không phải do vợ chồng ông L, bà L làm nên, còn diện tích đất là của cậu T1 cho để ở, nếu không ở thì trả lại. Bà T đề nghị Tòa án xem xét giải quyết quyền lợi cho bà.

Ngân hàng chính sách xã hội huyện M trình bày: Ông L và bà L có vay tiền tại Ngân hàng, hiện hai người còn nợ Ngân hàng số tiền 53.000.000 đồng (tiền gốc) và 10.852.000 đồng tiền lãi (tính đến ngày xét xử sơ thẩm).

Tại Bản án số: 75/2019/HNGĐ-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hoá đã quyết định: *Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 213, 219 của Bộ luật dân sự. Áp dụng các Điều 33, 37, 55, 57, 59, 60, 63, 82, 83, 84 và Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:*

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đinh Quang L và chị Đinh Thị L.

2. Về con chung: Giao con chung Đinh Anh Q, sinh ngày 25/9/2002 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh L đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không giải quyết...

3. Về tài sản chung và nợ chung: Xác định một ngôi nhà gỗ ba gian, mái lợp ngói trên diện tích đất gần 500 m² có trị giá 60.000.000 đồng là của anh L và chị L. Xác định khoản nợ vay 53.000.000 đồng tiền gốc và 10.582.000 đồng tiền lãi của Ngân hàng chính sách xã hội huyện M là nợ chung của anh L, chị L.

Chia cho anh Đinh Quang L một ngôi nhà gỗ ba gian, mái lợp ngói trên diện tích gần 500 m² có trị giá 60.000.000 đồng. Buộc anh Đinh Quang L phải trả 63.582.000 đồng khoản nợ vay của Ngân hàng chính sách xã hội huyện M. Buộc chị L phải trả tiền chênh lệch tài sản cho anh L số tiền 1.791.000 đồng. Chị Đinh Thị L có quyền cư trú trong thời gian 06 tháng kể từ ngày quan hệ hôn nhân chấm dứt.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền chăm sóc con, thay đổi quyền nuôi con; tuyên về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự, quyền yêu cầu thi hành án dân sự.

Ngày 25/11/2019, nguyên đơn ông Đinh Quang L kháng cáo đề nghị Tòa án xem xét lại trách nhiệm nuôi con và xem xét lại phần tài sản. Ông L cho rằng con đã 17 tuổi nên việc ở với ai là quyền của con, còn về ngôi nhà mà cả gia đình đang ở có phần đóng góp của mẹ (bà T) số tiền 7.000.000 đồng từ tiền bán ngôi nhà củ của mẹ. Vì vậy ông L đề nghị ngôi nhà chia 5 phần, trong đó ông L và bà L mỗi người được hưởng 02 phần, bà T được hưởng 01 phần; về đất chia đôi cho ông L và bà L mỗi người một nửa; nợ chia đôi ông L và bà L mỗi người trả một nửa.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông L rút phần kháng cáo về quan hệ con chung; giữ nguyên kháng cáo về quan hệ tài sản. Ông L cho rằng đất chưa được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, một mình ông không có khả năng đề trả nợ cho Ngân hàng, đề nghị chia tài sản bằng hiện vật và nợ phải chia đôi để cả hai người đều phải có trách nhiệm trả nợ.

- Bà L cho rằng trước đây bà T có một ngôi nhà gỗ ở xã H1 bán được 7.000.000 đồng, bà T đã cho con (vợ chồng ông L, bà L), còn ngôi nhà hiện nay đang ở là do ông L, bà L vay mượn tiền để làm chứ không hề có sự đóng góp của bà T. Vì vậy, đề nghị giữ nguyên như bản án sơ thẩm. Trường hợp ông L không đồng ý nhận toàn bộ nhà, đất để trả nợ thì giao toàn bộ nhà, đất cho bà để bà trả nợ; bà L không đồng ý chia bằng hiện vật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo về quan hệ con chung; hủy phần quan hệ tài sản, giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt bà Cao Thị T (Người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo), nhưng bà T đã có giấy ủy quyền cho con trai là ông Đinh Quang L (là nguyên đơn trong vụ án). Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn, bị đơn không kháng cáo; Viện kiểm sát không kháng nghị. Phần quan hệ hôn nhân của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật, nên cấp phúc thẩm không xem xét.

[3]. Về quan hệ con chung: Ông L kháng cáo cho rằng con (anh Đinh Anh Q) đã hơn 17 tuổi nên việc ở với ai là do con quyết định. Tại phiên tòa phúc thẩm ông L rút kháng cáo về quan hệ con chung, đề nghị Tòa án giữ nguyên như bản án sơ thẩm. Vì vậy Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ vào khoản 3 Điều 284 của Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần quan hệ con chung.

[4]. Về quan hệ tài sản: Theo lời trình bày của các đương sự thì toàn bộ tài sản cần giải quyết trong vụ án gồm: 01 ngôi nhà gỗ 3 gian lợp ngói nằm trên diện tích đất khoảng 500 m².

Bà T và ông L đều trình bày thừa đất đang ở là của cậu T1 cho để ở, còn ngôi nhà có công sức đóng góp của bà T từ số tiền bán ngôi nhà cũ của bà T được 7.000.000 đồng, sau đó có thêm 20.000.000 đồng tiền của Tổng Công ty Lương thực miền Bắc tài trợ để xây nhà và Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay 8 triệu đồng để hỗ trợ làm nhà. Trong khi đó bà L lại cho rằng ngôi nhà là tài sản riêng của ông L và bà L, không hề có sự đóng góp của bà T.

Ngày 16/10/2019, Tòa án sơ thẩm đã tiến hành xác minh tại UBND xã H, huyện M, biên bản xác minh thể hiện: “Ngôi nhà 3 gian của anh L chị L được UBND xã H hỗ trợ tiền để làm nhà theo Quyết định 167/2008/QĐ-TTG với số tiền 20.000.000 đồng, vì gia đình thuộc diện hộ nghèo, đang sinh sống trong vùng đặc biệt khó khăn”; cũng trong ngày 16/10/2019, Tòa án sơ thẩm đã xác minh tại ông Đinh Ngọc T2, biên bản xác minh thể hiện: “ông T2 xác nhận năm 2008 ông đã mua lại ngôi nhà gỗ 2 gian của anh L, chị L với giá 7.000.000 đồng. Sau đó anh L, chị L được UBND xã H hỗ trợ làm nhà theo Quyết định 167/2008/QĐ-TTG và mua ngôi nhà hiện tại đang ở”. Ngoài 02 biên bản xác minh ở trên thì không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh ý kiến trình bày của bà T, ông L hay ý kiến của bà L là đúng. Với nội dung xác minh như trên, cấp sơ thẩm kết luận ngôi nhà và đất là của ông L, bà L chứ bà T không hề có công sức đóng góp gì vào khối tài sản chung là thiếu căn cứ.

Trong trường hợp này, lẽ ra cấp sơ thẩm phải xác minh làm rõ được nguồn gốc diện tích thửa đất mà gia đình ông L, bà L, bà T đang sử dụng là do từ đâu mà có; diện tích cụ thể bao nhiêu; số tờ bản đồ, vị trí, sơ đồ thửa đất; thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay chưa; phải xác minh làm rõ việc chính quyền địa phương, Tổng công ty Lương thực miền Bắc hỗ trợ tiền làm nhà là hỗ trợ cho riêng ông L, bà L hay hỗ trợ cho gia đình ông L, bà L, vì bà T là mẹ ông L và

đang sống chung trong gia đình (Sổ hộ khẩu gia đình thể hiện bà T sống chung và là thành viên trong gia đình); phải làm rõ được công sức đóng góp của bà T vào khối tài sản chung để làm căn cứ phân chia tài sản theo đúng quy định.

[5]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Đinh Thị L xuất trình cho Tòa án 01 bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Đinh Quang L, bà Đinh Thị L; địa chỉ thôn Đ, xã H, huyện M; thửa đất 104, tờ bản đồ số 20; diện tích 1.632 m² (được UBND huyện M cấp ngày 02/11/2007). Bà L cho rằng đây là thửa đất mà ông L, bà L đang ở; còn ông L lại trình bày là không rõ về tờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà L đã cung cấp cho Tòa án. Xét thấy đây là tình tiết mới chưa được xem xét ở cấp sơ thẩm, nên cần giao lại cho cấp sơ thẩm tiến hành điều tra, xác minh để giải quyết theo yêu cầu của các đương sự.

[6]. Trong phần quyết định của Bản án sơ thẩm đã tuyên như sau: “3.3. *Chia cho anh Đinh Quang L một ngôi nhà gỗ 3 gian, mái lợp ngói trên diện tích gần 500 m² có trị giá 60.000.000 đ*”. Việc tuyên án như trên sẽ không thi hành án được, vì không xác định được nhà, đất mà Tòa án chia cho anh L ở vị trí nào; sơ đồ, diện tích cụ thể là bao nhiêu; ...

[7]. Một số sai sót khác về tố tụng của cấp sơ thẩm:

- Trong bản án sơ thẩm thể hiện ông Hồ Hải D- Phó Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội huyện M là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách xã hội huyện M, nhưng trong hồ sơ không có văn bản ủy quyền (Tại bút lục số 48 có Quyết định về việc ủy quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo của Ngân hàng chính sách xã hội huyện M, tuy nhiên quyết định này được ban hành ngày 23/12/2019 (sau khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm hơn 01 tháng), và quyết định này chỉ *ủy quyền cho ông Hồ Hải D chỉ đạo giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hệ thống Ngân hàng chính sách xã hội huyện M thuộc thẩm quyền của Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội huyện M*).

- Biên bản phiên tòa thể hiện ***phiên tòa bắt đầu vào hồi 10 giờ 30 phút ngày 22/11/2019***, trong khi đó Biên bản nghị án cũng thể hiện Hội đồng xét xử ***bắt đầu nghị án vào hồi 10 giờ 30 phút ngày 22/11/2019*** (việc nghị án được tiến hành cùng thời điểm bắt đầu phiên tòa). Biên bản hoà giải ***bắt đầu vào hồi 09 giờ ngày 11/10/2019 và kết thúc vào hồi 10 giờ ngày 10/10/2019***; ...

[8]. Từ các nội dung đã được phân tích ở các mục [4], [5], [6] ở trên, cho thấy Toà án cấp sơ thẩm chưa tiến hành điều tra, xác minh, thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ liên quan đến khối tài sản chung và tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Vì vậy, cần hủy phần quan hệ tài sản chung và nợ chung để giao hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định.

[9]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10]. Ông Đinh Quang L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 284; khoản 3 Điều 308 và khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng cáo về con chung của ông Đinh Quang L. Phần con chung tại bản án sơ thẩm số: 75/2019/HNGĐ-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình có hiệu lực pháp luật kể từ ngày đình chỉ xét xử phúc thẩm (29/4/2020).

2. Huỷ phần tài sản chung và nợ chung của Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 75/2019/HNGĐ-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

3. Giao hồ sơ vụ án “Hôn nhân gia đình” giữa nguyên đơn ông Đinh Quang L với bị đơn bà Đinh Thị L cho Tòa án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình để giải quyết sơ thẩm lại phần tài sản chung và nợ chung theo đúng quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Ông Đinh Quang L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho ông Đinh Quang L số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình thu tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0004255 ngày 09/12/2019.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án (29/4/2020).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND huyện Minh Hóa (Kèm hs vụ án)
- Chi cục THADS huyện Minh Hóa;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Hữu Sỹ